

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĐ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh Pc

Bản án số: 14/2024/HS-ST
Ngày 26-11-2024

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĐ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Lợi.

2. Bà Hồ Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhân Tài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 589/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn P (tên gọi khác: Không); sinh ngày 29 tháng 10 năm 1997, tại: Tỉnh Hậu Giang; nơi thường trú: Ấp LT, xã HM, huyện PH, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; căn cước công dân số: 093097001xxx, cấp ngày: 01/11/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1977 và bà Trịnh Thị Phương Th, sinh năm 1976; vợ, con: Chưa có;

Quá trình nhân thân: Nhỏ sống với cha, mẹ tại xã HM, huyện PH, tỉnh Hậu Giang. Học văn hóa đến lớp 06/12 thì nghỉ ở nhà phụ giúp việc gia đình. Năm 2014 chuyển đến thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và làm lao động tự do nhưng không đăng ký tạm trú cho đến ngày phạm tội (ngày 10/7/2023).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/7/2024 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Bị hại: A Nguyễn N, sinh năm: 1995; nơi thường trú: Phường TL, tp H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi tạm trú: TDP 4, TT KT, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Lê Thị Kim A, sinh năm: 1970; nơi thường trú: Xã HL, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 04/2023, A Nguyễn N, sinh năm: 1995, trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn Khe Tre, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế có quen biết với Nguyễn Văn P, sinh năm: 1997 trên mạng xã hội và có trao đổi với nhau nội dung liên quan đến việc mua bán tiền ảo. Trong thời gian này, A N có một số lần chuyển tiền vào tài khoản số: 0901234150 do Nguyễn Văn P mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt N (Vietinbank) chi nhánh Đông Sài Gòn nhờ P mua bán tiền ảo (số tiền thường dưới 3.000.000 đồng) nên có lưu số tài khoản của P trong dA bạ ứng dụng chuyển tiền của mình.

Sáng ngày 10/7/2023, bà Lê Thị Kim A, sinh năm: 1970 (mẹ ruột N) có gọi N đến chợ thị trấn Khe Tre, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế nhờ chuyển giúp số tiền: 176.500.000 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị Hương Thu, trú tại tỉnh Quảng Trị. Tại chợ Khe Tre, bà A đã đưa cho N số tiền: 176.500.000 đồng, N đã cầm số tiền này đến phòng giao dịch chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt huyện ND (nay là Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt N) nạp vào tài khoản số: 041047800001 của N mở tại phòng giao dịch chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt N huyện ND. Đến khoảng 10 giờ 49 Pt, ngày 10/7/2023, A N thực hiện giao dịch chuyển tiền bằng ứng dụng Liên Việt 247 trên điện thoại di động từ tài khoản của mình số tiền: 176.500.000 đồng cho người thụ hưởng là bà Nguyễn Thị Hương Thu. Tuy nhiên, khi thực hiện thao tác chuyển tiền thì A N đã sơ ý nhập sai số tài khoản nên chuyển nhầm tiền vào tài khoản số: 0901234150 của Nguyễn Văn P. Sau khi chuyển tiền xong A N không kiểm tra lại thông tin nên không biết việc mình đã chuyển nhầm tiền. Khi biết có số tiền: 176.500.000 đồng của A N chuyển nhầm vào tài khoản của mình, Nguyễn Văn P đã không trả lại mà liên tục trong khoảng thời gian từ 20 giờ 15 Pt ngày 10/7/2023 đến rạng sáng ngày 11/7/2023 đã sử dụng toàn bộ số tiền đó chuyển vào tài khoản số 1037196816 do Nguyễn Văn Bình, sinh năm: 1981, trú tại: Xã Ba Trại, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đứng tên để mua bán tiền ảo trên mạng internet với Bình. Mục đích khi tiền ảo lên giá sẽ bán để kiếm lời nhưng P đã thua lỗ hết toàn bộ số tiền 176.500.000 đồng.

Đến khoảng 13 giờ 29 Pt, ngày 11/7/2023, P nhắn tin qua ứng dụng Zalo hỏi A N có chuyển nhầm tiền không nhưng A N không kiểm tra nên không biết việc chuyển nhầm. Đến ngày 13/7/2023, A N mới phát hiện sự việc chuyển nhầm tiền thì nhắn tin cho P yêu cầu trả lại số tiền: 176.500.000 đồng cho mình nhưng P nói là đã sử dụng để mua bán tiền ảo và bị thua lỗ hết. P nhiều lần hứa hẹn sẽ trả tiền cho N nhưng không trả nên A N nói sẽ báo Công an giải quyết thì P đăng xuất khỏi tài khoản Zalo, không sử dụng số điện thoại 0901234150 để cắt liên lạc với N nhằm mục đích trốn tránh việc trả tiền cho N và tránh bị cơ quan Công an phát

hiện. Sau đó, A Nguyễn N nhiều lần liên hệ với P để lấy lại tiền nhưng không được nên đã làm đơn tố giác đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ND đề nghị xử lý Nguyễn Văn P theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ND đã phát hiện và bắt giữ Nguyễn Văn P khi đang sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp số tiền 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

* *Vật chứng đã xử lý*: Số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) do Nguyễn Văn P giao nộp. Cơ Quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ND đã xử lý vật chứng trả cho A Nguyễn N.

* *Vật chứng hiện còn tạm giữ*: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs màu xA, số máy: MT942LL/A, số Imei 1: 356170099807266; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 363937148 mang tên Nguyễn Văn P, do Công an tỉnh Hậu Giang cấp ngày 18/01/2016; 01 (một) giấy phép lái xe số: 790163094629, mang tên Nguyễn Văn P do Sở giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/05/2016; 01 (một) Căn cước công dân số: 093097001507, mang tên Nguyễn Văn P, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01/11/2022.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn P đã bồi thường cho bị hại Nguyễn N số tiền 10.000.000 đồng. Bị hại yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 166.500.000 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 13/CT-VKSND ngày 01/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 176 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố phát biểu quan điểm luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Về hình sự: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 176; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn P từ 15 tháng đến 18 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự; Điều 2, 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP, ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại Nguyễn N số tiền 166.500.000 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu, sung công quỹ nhà nước đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs màu xA, số máy: MT942LL/A, số Imei 1: 356170099807266; trả lại cho bị cáo đối với 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số:

363937148 mang tên Nguyễn Văn P, do Công an tỉnh Hậu Giang cấp ngày 18/01/2016; 01 (một) giấy phép lái xe số: 790163094629, mang tên Nguyễn Văn P do Sở giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/05/2016; 01 (một) Căn cước công dân số: 093097001507, mang tên Nguyễn Văn P do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01/11/2022.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố theo như bản Cáo trạng và quan điểm luận tội. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại và không có ý kiến trả lời về hành vi, tội danh, hình phạt và các vấn đề khác.

Tại phiên tòa, bị hại A Nguyễn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lê Thị Kim A cung cấp lời khai như trong giai đoạn điều tra, truy tố; bị hại yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 166.500.000 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng); đồng thời xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Nói lời sau cùng tại phiên tòa, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trả lời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 10 giờ 49 phút ngày 10/7/2023, tại thị trấn Khe Tre, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế A Nguyễn N đã chuyển tiền bằng ứng dụng Liên Việt 247, từ tài khoản số: 041047800001, mở tại phòng giao dịch chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt (nay là Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt N) huyện ND với số tiền: 176.500.000 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) cho người thụ hưởng là bà Nguyễn Thị Hương Thu do sơ ý nhập sai số tài khoản nên chuyển nhầm tiền vào tài khoản của Nguyễn Văn P. P biết rõ số tiền này do A N chuyển nhầm, không thuộc sở hữu của mình và biết mình có nghĩa vụ phải trả cho chủ tài sản nhưng khi được A N yêu cầu trả lại

nhưng P đã cố tình không trả lại mà sử dụng để mua bán tiền ảo trên mạng Internet và bị thua lỗ hết số tiền: 176.500.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 176 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng chỉ vì lòng tham đã cố tình không trả số tiền cho A Nguyễn N đã chuyển nhầm cho bị cáo, thể hiện bị cáo là người xem thường pháp luật. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cho bị hại được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phạm tình tiết tăng nặng; bị cáo có nhân thân tốt. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nên cần phải có một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và cũng nhằm tuyên truyền phổ biến phòng ngừa tội phạm.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã chiếm giữ trái phép của bị hại A Nguyễn N số tiền 176.500.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 10.000.000 đồng, còn lại 166.500.000 đồng. Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 166.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bị hại có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung công quỹ nhà nước đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs màu xA, số máy: MT942LL/A, số Imei 1: 356170099807266, đây là phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội; trả lại cho bị cáo 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 363937148 mang tên

Nguyễn Văn P, do Công an tỉnh Hậu Giang cấp ngày 18/01/2016; 01 (một) giấy phép lái xe số: 790163094629, mang tên Nguyễn Văn P do Sở giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/05/2016; 01 (một) Căn cước công dân số: 093097001507, mang tên Nguyễn Văn P do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01/11/2022, đây là những vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 8.325.000 đồng (166.500.000 đồng x 5%) theo quy định của pháp luật.

[9] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội dA, hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo phù hợp với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 176; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25/7/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, sung công quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs màu xA, số máy: MT942LL/A, số Imei 1: 356170099807266;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn P: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 363937148 mang tên Nguyễn Văn P, do Công an tỉnh Hậu Giang cấp ngày 18/01/2016; 01 (một) giấy phép lái xe số: 790163094629, mang tên Nguyễn Văn P do Sở giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/05/2016; 01 (một) Căn cước công dân số: 093097001507, mang tên Nguyễn Văn P do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01/11/2022

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13 tháng 11 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ND và Chi cục Thi hành án dân sự huyện ND)

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải tiếp tục bồi thường cho A Nguyễn N số tiền 166.500.000 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 8.325.000 đồng (Tám triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh TT Huế;
- VKSND huyện NĐ;
- CQĐT Công an huyện NĐ;
- CQ THAHS Công an huyện NĐ;
- Chi cục THADS huyện NĐ;
- Bị cáo; bị hại; người có QL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Mạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Thị Nga

Phan Văn Lợi

Nguyễn Văn Mạnh

